| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2026/DS-PT
Ngày 16/01/2026
V/v "Tranh chấp về hợp đồng mua hứa thưởng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Mỹ Hải.

*Các thẩm phán*: Bà Hà Thị Thanh Hương – Bà Phạm Thị Thúy Q2

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hương Ly- Thư ký Tòa án Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/DS-PT ngày 09/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DSST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2025/QĐXXDS-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Nữ Cẩm T, sinh năm 1986; địa chỉ: S Tòa nhà T1, 28 M, phường A, thành phố T2, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A1, thành phố Hồ Chí Minh) SĐT: 09772xxxxx.

- Bị đơn: Ông Trần Ánh Y, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm M, xã T3, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã L, tỉnh Nghệ An)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 56, đường N, phường T4, tỉnh Nghệ An

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DSST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7) đã quyết định:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Cao T5 trình bày:

Vợ chồng ông Trần Ánh Y, bà Nguyễn Thị Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn", giữa: Nguyên đơn: chị Đào Thị Q2, sinh năm 1991 (con dâu ông Y, bà Q) với bị đơn anh Trần Tiến D (Con trai ông Y, bà Q) do Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng giải quyết. Bà Dương Thị Cẩm T (nguyên đơn) là người đại diện theo ủy quyền của ông Y và bà Q. Tài sản tranh chấp trong vụ án hôn nhân và gia đình do Tòa án quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng giải quyết là Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đ và nhà tọa lạc trên đất. Tổng giá trị tài sản là 5.159.938.382 đồng.

Bản án sơ thẩm số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020, của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xác định: Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đa và nhà tọa lạc trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh D, chị Q2 nên chia tài sản chung vợ chồng với tỷ lệ 40-60. Trong đó, anh D được hưởng 60% và chị Q2 được hướng 40% tương đương số tiền là 2.063.975.352 đồng.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020, của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng nên vợ chồng ông Y, bà Q kháng cáo vì cho rằng: Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất là của ông Y, bà Q mà không phải tài sản của vợ chồng chị Q2, anh D.

Ngày 25/11/2020, bị đơn ông Trần Ánh Y có lập bản cam kết hứa thưởng với nội dung: Nếu đòi lại được cho con trai ông Y là anh Trần Tiến D với tỷ lệ từ 80% đến 90% thì chị T được hưởng 60% số tiền mà anh D được hưởng thêm; Nếu đòi lại được cho ông Trần Ánh Y 100% thì chị T được hưởng 70% trong tổng số 40% chị Q2 được hưởng theo Bản án sơ thẩm số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020, của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, tương đương số tiền 1.444.782.746 đồng.

Kết quả giải quyết tại cấp phúc thẩm: Bản án số 09/2022/HNGD-PT ngày 28/3/2022, của Tòa án thành phố Đà Năng đã sửa án sơ thẩm theo đó: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Anh Trần Tiến D và chị Đào Thị Q2 đồng ý trả lại Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất cho ông Trần Ánh Y và bà Nguyễn Thị Q. Ông Y và bà Q tự nguyện hỗ trợ cho chị Đào Thị Q2 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Như vậy, kết quả tại bản án Phúc thẩm thì ông Y, bà Q đã được nhận lại Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất đồng nghĩa với việc ông Y đã nhận về toàn bộ tài sản nên đạt được điều kiện hứa thưởng là ông Trần Ánh Y nhận lại 100%  tài sản. Tuy nhiên, ông Y không thực hiện nghĩa vụ trả thưởng theo cam kết. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Trần Ánh Y trả cho nguyên đơn số tiền 1.444.782.746 đồng mà ông Trần Ánh Y đã cam kết hứa thưởng vào ngày 25/11/2020.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Ánh Y trình bày: Ông Y thống nhất như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc lập cam kết hứa thưởng vào ngày 25/11/2020 và các nôi dung cam kết như bên nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 09/2022/HNGĐ-PT ngày 28/3/2022 của TAND thành phố Đà Nẵng thì vợ chồng ông được nhận lại Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất nhưng phải trả cho chị Q2 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Như vây, bà T không thực hiện được nội dung mà ông Y đã cam kết hứa thưởng nên ông Y không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Nếu nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện thì ông Y sẽ hỗ trợ cho bà T số tiền 20.000.000 đồng, nếu bà T không rút yêu cầu khởi kiện thì ông Y không hỗ trợ và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Y con trình bày: Việc ông Y lập cam kết có nội dung hứa thưởng ngày 25/11/2020, là do một mình ông Y lập, việc cam kết hứa thưởng này chỉ có mình ông Y đứng ra và chịu trách nhiệm mà không liên quan đến vợ ông là vợ ông là bà Nguyễn Thị Q, bà Q không biết việc lập cam kết hứa thưởng này.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần Ánh Y là bà Nguyễn Thị Hường trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Ánh Y và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Theo cam kết ngày 25/11/2020, do ông Y lập với nội dung ông Y phải nhận lại được 100%, nghĩa là ông Y nhận lại nhà và đất mà không phải thực hiện nghĩa vụ gì đối với người khác. Tuy nhiên, kết quả của bản án phúc thẩm thì vợ chồng ông Y, bà Q được nhận lại Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất nhưng phải trả cho chị Q2 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Do đó, nội dung, điều kiện hứa thưởng không đạt được.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà Q là vợ ông Trần Ánh Y, bà Q thống nhất như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn và Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Về việc ông Trần Ánh Y lập cam kết hứa thưởng vào ngày 25/11/2020 và các nôi dung cam kết như bên nguyên đơn và ông Y trình bày bà Q hoàn toàn không biết. Do đó, bà Q không có liên quan đến nội dung hứa thưởng giữa ông Trần Ánh Y và chị Dương Nữ Cẩm T. Mặt khác, bà Q cho biết, theo bản án phúc thẩm số 09/2022/HNGĐ-PT ngày 28/3/2022 của TAND thành phố Đà Nẵng thì vợ chồng bà Q được nhận lại Thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất nhưng phải trả cho chị Q2 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Đối với yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn bà Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DSST ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7) đã quyết định: Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều  39, 147, 207, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 570, Khoản 1 Điều 572 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Nữ Cẩm T về việc buộc bị đơn ông Trần Ánh Y phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hứa thưởng với số tiền 1.444.782.746 đồng theo cam kết hứa thường ngày 25/11/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Nữ Cẩm T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Nữ Cẩm T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

*Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.*

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có kháng cáo. Xét thấy, nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hứa thưởng với số tiền 1.444.782.746 đồng theo cam kết hứa thường ngày 25/11/2020 , theo đó, nội dung cụ thể của cam kết hứa thưởng, bị đơn ông Trần Ánh Y đặt ra hai trường hợp trả thưởng với các điều kiện rõ ràng, cụ thể, bao gồm:

Trường hợp thứ nhất: Nếu đòi lại được tài sản cho anh Trần Tiến D  với tỷ

lệ từ 80% đến 90% thì bà Dương Nữ Cẩm T được hưởng 60% phần tài sản tăng thêm mà anh D được hưởng;

Trường hợp thứ hai: Nếu đòi lại được cho ông Trần Ánh Y 100% tài sản thì bà T được hưởng 70% trong tổng số 40% tài sản mà chị Q2 được hưởng theo Bản án sơ thẩm số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, tương đương số tiền 1.444.782.746 đồng.

Đối chiếu nội dung cam kết hứa thưởng với kết quả giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 09/2022/HNGĐ-PT ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, thấy rằng: Mặc dù ông Trần Ánh Y và bà Nguyễn Thị Q đã nhận lại được thửa đất số 156, tờ bản đồ số 17 tại thành phố Đà Nẵng và nhà tọa lạc trên đất từ vợ chồng anh D, chị Q2 theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và được HĐXX phúc thẩm TAND Thành phố Đà nẵng ghi nhận, nhưng ông Y và bà Q phải thanh toán cho chị Q2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Như vậy, anh Trần Tiến D không được nhận bất kỳ phần trăm tài sản nào, nên điều kiện hứa thưởng thứ nhất hoàn toàn không xảy ra.

Đối với điều kiện hứa thưởng thứ hai, mặc dù bà Dương Nữ Cẩm T đã thực hiện công việc theo thỏa thuận và giúp ông Trần Ánh Y, bà Nguyễn Thị Q nhận lại được tài sản nêu trên, nhưng do ông Y và bà Q vẫn phải thanh toán cho chị Q2 số tiền 1.000.000.000 đồng, nên không thể xác định là đã "đòi lại được 100% tài sản" như nội dung cam kết hứa thưởng. Do đó, điều kiện để phát sinh nghĩa vụ trả thưởng theo trường hợp thứ hai cũng không được đáp ứng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng bản chất của quan hệ pháp luật tranh chấp, xem xét đầy đủ nội dung cam kết hứa thưởng và kết quả thực hiện trên thực tế, từ đó kết luận rằng các điều kiện hứa thưởng không xảy ra, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đưa ra được tình tiết mới, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận**.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 30 triệu đồng tiền dịch vụ pháp lý nhưng nguyên đơn không đồng ý, không yêu cầu Tòa giải quyết quan hệ này, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà Dương Nữ Cẩm T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH.

1. Căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Nữ Cẩm T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 207, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 570,

Khoản 1 Điều 572 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Nữ Cẩm T về việc buộc bị đơn ông Trần Ánh Y phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hứa thưởng với số tiền 1.444.782.746 đồng theo cam kết hứa thường ngày 25/11/2020.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Dương Nữ Cẩm T phải chịu 55.343.482 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Dương Nữ Cẩm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009651 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, 7c và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận***:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TANDKV7;
- THADS Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Trần Thị Mỹ Hải**